

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng
Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 362/TTr-BQL ngày 06/10/2020; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2280/SNN-QLXDCT ngày 02/10/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 688/BC-SKHĐT ngày 07/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

4. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

7. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sĩ Đặng Khoa Thi.

8. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng kè để bảo vệ khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, bố trí tái định cư và bố trí một phần quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, phục vụ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho khu vực. Mặt khác, việc thực hiện dự án sẽ sắp xếp lại dân cư, góp phần cải thiện điều kiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân địa phương, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân trong mùa mưa lũ, tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất.

9. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng và phương án thiết kế cơ sở:

9.1. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng tuyến kè dài 1.100m để bảo vệ khu tái định cư và đất hạ tầng kỹ thuật đấu nối phục vụ dự án với diện tích 9,03ha.

- Nạo vét dòng chảy của đoạn sông trước kè để đảm bảo thoát lũ trong sông, kết hợp san lấp mặt bằng khu tái định cư.

- Bồi thường giải phóng mặt bằng 11,50ha (bao gồm cả diện tích khu tái định cư, đất hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ dự án và 05ha là phần thoát lũ).

9.2. Phương án thiết kế cơ sở:

9.2.1. Đoạn đường nối tiếp từ đường bê tông hiện có đến đầu tuyến kè (Từ cọc K0+5,48m đến cọc C1, dài 19,20m):

- Cao độ mặt đường: (+2.50 ÷ +3.10)m.

- Chiều rộng mặt đường: 4m.
- Nền đường: Đắp đất cấp phối đồi đầm chặt K95.
- Kết cấu mặt đường: Đồ bê tông M250 đá 2x4 dày 18cm.

9.2.2. Tuyến kè:

- Xây dựng tuyến kè dài 1.097m để bảo vệ khu tái định cư và đất hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ dự án với diện tích khoảng 9,03ha, cụ thể như sau:

a) Đoạn 1: Từ cọc C1 đến cọc C52, dài 961,19m.

- Cao độ đỉnh kè: (+3.10 ÷ +2.90)m.

- Cao độ chân kè: (+0.10 ÷ -0.10)m.

- Kết cấu kè: Từ cao độ đáy đầm chân kè trở xuống đắp cát trong nước; từ cao độ đáy đầm chân kè trở lên đắp đất cấp phối đồi đầm chặt K95. Hệ số mái kè phía sông $m = 2,50$; hệ số mái kè phía khu tái định cư $m = 1,50$, nối tiếp với đất san lấp mặt bằng khu tái định cư. Mặt kè rộng 4m; phía ngoài sông bố trí lan can và bó vỉa đỉnh kè, đáy rộng 0,55m; mặt kè phần còn lại rộng 3,45m, kết hợp đường giao thông quản lý vận hành. Lan can cao 1,20m, trong đó phần gờ bê tông cốt thép M300 cao 0,25m, ba mặt gờ trát granitô, phần lan can thép cao 0,95m. Mặt kè đồ bê tông xi măng M250 dày 18cm. Gia cố mái kè phía sông bằng tấm bê tông đúc sẵn M250, kích thước (45x45x12)cm, dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng bê tông cốt thép M300. Chân kè gia cố bằng lăng trụ đá học đồ rời.

- Công trình trên tuyến:

+ Công thoát nước: Xây dựng 03 cống Ø1.200mm và 01 cống Ø800mm.

+ Bậc cấp: Xây dựng 05 bậc cấp loại I, mỗi bậc cấp rộng 5m và 01 bậc cấp loại II, rộng 20m, kết cấu bằng bê tông cốt thép M300.

b) Đoạn 2: Từ cọc C52 đến cọc C56+12,20m, dài 135,81m.

- Cao độ đỉnh kè: (+2.90 ÷ +2.50)m.

- Cao độ chân kè: -0.10m.

- Kết cấu kè: Thân kè đắp đất cấp phối đồi đầm chặt K95. Hệ số mái kè phía sông $m = 2,50$; hệ số mái kè phía khu tái định cư $m = 1,50$, nối tiếp với đường giao thông kết nối với đầu Cầu Trắng. Mặt kè rộng 4m; phía ngoài sông bố trí lan can và bó vỉa đỉnh kè, đáy rộng 0,55m; mặt kè phần còn lại rộng 3,45m, bố trí vỉa hè đường giao thông kết nối với đầu Cầu Trắng. Lan can cao 1,20m, trong đó phần gờ bê tông cốt thép M300 cao 0,25m, ba mặt gờ trát granitô, phần lan can thép cao 0,95m. Gia cố mái kè phía sông bằng tấm bê tông đúc sẵn M250, kích thước (45x45x12)cm, dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng bê tông cốt thép M300. Chân kè gia cố bằng lăng trụ đá học đồ rời.

- Công trình trên tuyến: Xây dựng 01 cống thoát nước Ø1.200mm.

9.2.3. Nạo vét lòng sông đoạn trước kè:

Để đảm bảo mặt cắt thoát lũ trong sông, sử dụng đất nạo vét để san lấp mặt bằng khu tái định cư.

- Diện tích nạo vét: 16,55 ha.
- Cao trình đáy sông nạo vét: (-2.20 ÷ -2.40)m.
- Cao trình đáy hành lang nạo vét để tiêu thoát lũ: (-0.90 ÷ -1.10)m.
- Chiều rộng đáy sông nạo vét: 60m.
- Chiều rộng đáy hành lang nạo vét để tiêu thoát lũ: (38 ÷ 116)m.
- Hệ số mái thềm nạo vét: m = 9.
- Phạm vi, giới hạn và cao trình nạo vét theo bảng sau:

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰ , kinh tuyến trực 108 ⁰ 15'		Cao độ đáy nạo vét
		X (m)	Y (m)	
1	I	602.368,872	1.528.268,392	-2.20
2	II	602.383,590	1.528.326,586	-2.20
3	III	602.387,318	1.528.332,214	-0.90
4	IV	602.416,731	1.528.376,624	-0.90
5	V	602.621,692	1.528.212,459	-2.24
6	VI	602.636,245	1.528.270,690	-2.24
7	VII	602.637,938	1.528.276,758	-0.94
8	VIII	602.790,800	1.528.268,295	-0.98
9	IX	603.020,224	1.528.106,333	-2.30
10	X	602.985,455	1.528.177,059	-2.30
11	XI	602.984,959	1.528.183,340	-1.02
12	XII	603.032,328	1.528.289,523	-1.03
13	XIII	603.240,009	1.528.196,955	-2.34
14	XIV	603.180,316	1.528.275,250	-2.35
15	XV	603.175,088	1.528.278,766	-1.05
16	XVI	603.314,744	1.528.183,968	-2.40
17	XVII	603.328,339	1.528.242,407	-2.40
18	XVIII	603.270,574	1.528.274,777	-2.35
19	XIX	603.125,382	1.528.408,119	-1.06
20	XX	603.263,496	1.528.523,461	-2.39
21	XXI	603.204,125	1.528.532,128	-2.39
22	XXII	603.197,888	1.528.533,020	-1.09

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰ , kinh tuyến trực 108 ⁰ 15'		Cao độ đáy nạo vét
		X (m)	Y (m)	
23	XXIII	603.126,390	1.528.610,878	-1.09
24	XXIV	603.285,565	1.528.613,639	-2.40
25	XXV	603.230,920	1.528.642,345	-2.40
26	XXVI	603.225,183	1.528.645,359	-1.10
27	XXVII	603.169,900	1.528.674,401	-1.10

10. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

11. Diện tích sử dụng đất: 18,12 ha, trong đó diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 1,57 ha, diện tích chiếm đất tạm thời (để nạo vét lòng sông trước kè 16,55 ha).

12. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và Thiết kế BVTC).

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Tổng mức đầu tư: 47.507.774.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 7.992.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 28.533.665.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 669.504.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.799.174.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.791.776.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 4.721.655.000 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 (Sử dụng vốn ngân sách tỉnh từ nguồn khai thác quỹ đất của Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, Khu tái định cư Quảng Vân và các Khu đô thị, Khu dân cư trên địa bàn tỉnh).

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2022.

18. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với nội dung chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng

Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT, gói thầu Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán	2.000	Vốn ngân sách tỉnh	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý IV năm 2020	Hợp đồng trọn gói	60 ngày
2	Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán	604.057	Vốn ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý IV năm 2020	Hợp đồng trọn gói	20 ngày
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 606.057.000 đồng								